

CHUẨN ĐẦU RA
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO DỤC MẦM NON TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CDSP ngày tháng 6 năm 2025
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định)

1. Thông tin chung về ngành đào tạo

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non (Early Childhood Education)
Mã ngành: 51140201
Tên chương trình đào tạo: Giáo dục Mầm non
Mã chương trình đào tạo: 51140201_1
Đối tượng đào tạo: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

2. Mục tiêu chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng có đủ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp để thực hiện công việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non đáp ứng yêu cầu xã hội và yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non; sử dụng được ngoại ngữ, tin học trong hoạt động nghề nghiệp; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc và học tập suốt đời.

3. Chuẩn đầu ra (CDR)

3.1. Kiến thức

CDR	Nội dung	Mức độ ¹
CH01	Hiểu những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chính sách phát triển giáo dục mầm non; kiến thức quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo, giáo dục quốc phòng - an ninh, giáo dục thể chất để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, thể chất của người giáo viên mầm non và vận dụng vào hoạt động chuyên môn.	2
CH02	Vận dụng được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, tiếng Anh, mỹ thuật, âm nhạc, múa, văn học, ngôn ngữ, giới và bình đẳng giới, quyền trẻ em... để phát triển năng lực chuyên môn và ứng dụng vào thực tiễn hoạt động nghề nghiệp.	3
CH03	Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành như: đặc điểm và sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non, sự phát triển thể chất trẻ em, các tai nạn và bệnh thường gặp ở trẻ em, giáo dục học mầm non, chương trình giáo dục mầm non, vệ sinh, dinh dưỡng, quan sát và đánh giá sự phát triển của trẻ, giáo dục môi trường cho trẻ mầm non vào thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.	3

CH04	Vận dụng được những nguyên tắc, biện pháp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ, bao gồm: chăm sóc dinh dưỡng, chăm sóc giấc ngủ, chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn cho trẻ vào thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.	3
CH05	Vận dụng được nguyên tắc, biện pháp, hình thức tổ chức hoạt động có chủ đích vào thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.	3
CH06	Vận dụng được kiến thức bổ trợ hoặc chuyên sâu về một số lĩnh vực: nghệ thuật, phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội, một số phương pháp giáo dục tiên tiến trên thế giới vào thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non.	3

3.2. Kỹ năng

CDR	Nội dung	Mức độ ²
CH07	Kỹ năng nhận thức và tư duy sáng tạo	
	- Sử dụng được phương pháp quan sát và đánh giá trẻ em để kịp thời điều chỉnh các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.	2
	- Nhận biết được chân dung tâm lý của trẻ có nhu cầu đặc biệt và có những biện pháp cơ bản giáo dục trẻ hòa nhập cộng đồng.	2
	- Thể hiện sáng tạo các loại hình nghệ thuật tạo hình, âm nhạc, múa, văn học nghệ thuật đơn giản vào hoạt động chăm sóc, giáo dục phù hợp với trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non.	2
CH08	Kỹ năng thực hành	
	- Xây dựng và tổ chức thực hiện được chương trình, kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ theo hướng phát triển toàn diện trẻ em.	3
	- Tổ chức được các hoạt động giáo dục có chủ đích: Nhận biết - tập nói, Làm quen với văn học, Làm quen với chữ cái, Làm quen với Toán, Khám phá khoa học về môi trường xung quanh, hoạt động Giáo dục thể chất, hoạt động Âm nhạc, hoạt động Tạo hình...	3
	- Tổ chức được các hoạt động vui chơi, các chương trình hoạt động trải nghiệm, chương trình hoạt động ngày hội, ngày lễ, chương trình hoạt động nghệ thuật... cho trẻ phù hợp với điều kiện thực tiễn của trường, lớp và văn hóa địa phương.	3
	- Thực hiện đúng các yêu cầu về quản lý trẻ em, quản lý cơ sở vật chất và quản lý hồ sơ, sổ sách của nhóm, lớp theo quy định...	2
	- Xử lý ban đầu (sơ cứu) với trẻ bị bệnh và tai nạn thương tích thông thường...	2

CH09	Kĩ năng giao tiếp	
	- Giao tiếp, ứng xử với trẻ, đồng nghiệp, phụ huynh một cách cởi mở, chân thành trên tinh thần hợp tác, chia sẻ.	2
	- Quản lí được cảm xúc của bản thân, tôn trọng sự khác biệt của trẻ.	2
CH10	Năng lực ngoại ngữ Sử dụng được tiếng Anh ở mức độ cơ bản trong giao tiếp với trẻ và phụ huynh (Trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).	2
CH11	Năng lực số Sử dụng CNTT và công nghệ số trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ (trình độ Tin học đạt chuẩn CNTT cơ bản).	2

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

CĐR	Nội dung
CH12	Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm; chịu trách nhiệm cá nhân trước nhiệm vụ được giao; giải quyết được tình huống sư phạm. Có năng lực học tập suốt đời, thích nghi với môi trường làm việc thay đổi.
CH13	Thực hiện nghiêm túc các quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, không bạo lực đối với trẻ em; thực hiện nội quy, quy tắc ứng xử trong nhà trường; các quy định về quyền dân chủ của bản thân, đồng nghiệp và cha, mẹ hoặc người giám hộ trẻ em theo quy định.
CH14	Chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện nghiêm túc các quy định về đạo đức nhà giáo; yêu trẻ, yêu nghề; có tác phong, phương pháp làm việc phù hợp với công việc của giáo viên mầm non.

4. Vị trí việc làm

- Giáo viên mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm non;
- Tư vấn viên hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ cho cha, mẹ và cộng đồng;
- Tham gia công tác quản lí các cơ sở giáo dục mầm non.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

Có khả năng tự học, tự nghiên cứu, tiếp tục học ở trình độ cao hơn.

Chú thích:

¹ Các mức độ nhận thức theo thang đo của Bloom gồm 06 cấp độ:

1. Biết (Knowledge): Có thể nhắc lại những tài liệu đã học trước đó bằng cách gọi nhớ các sự kiện, thuật ngữ.
2. Hiểu (Comprehension): Chứng tỏ việc hiểu vấn đề và ý tưởng thông qua khả năng sắp xếp, so sánh, diễn giải trình bày các ý chính.
3. Vận dụng (Application): Giải quyết các vấn đề bằng cách vận dụng những kiến thức đã học, các sự kiện, phương pháp và quy tắc theo những cách khác nhau.

4. Phân tích (Analysis): Nghiên cứu và phân chia thông tin thành từng phần thông qua việc xác định động cơ và lý do; tạo ra các lập luận và tìm ra các luận cứ để hỗ trợ cho việc khát quát hóa.

5. Tổng hợp (Synthesis): Biên soạn và tổng hợp thông tin lại với nhau theo những cách khác nhau, đề xuất những giải pháp thay thế.

6. Đánh giá (Evaluation): Trình bày và bảo vệ ý kiến bằng cách đưa ra những phán đoán về thông tin, tính hợp lý của các ý kiến hoặc chất lượng công việc dựa trên các tiêu chí, chuẩn mực.

² Các mức độ kỹ năng theo thang đo Dave gồm 05 cấp độ:

1. Bắt chước (imitation): Làm theo một hành động đã được quan sát nhưng thiếu sự phối hợp giữa cơ bắp và hệ thần kinh.

2. Thao tác (manipulation): Thực hiện lại hành động theo hướng dẫn hoặc trí nhớ; làm theo mẫu, có sự liên kết cơ bắp - hệ thần kinh.

3. Làm chuẩn xác (precison): Thực hiện một hành động thể lực với sự chuẩn xác, cân đối và chính xác.

4. Liên kết (articulation): Thực hiện thành thạo một hành động thể lực có sự phối hợp của một loạt các hành động khác.

5. Tự nhiên hoá (naturalization): Biến một hành động thể lực thành công việc thường làm để mở rộng nó ra và làm cho nó trở thành một sự đáp ứng tự động, không gò bó và cuối cùng thành một sự đáp ứng thuộc về tiềm thức hay bản năng.